

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19- 4 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2021/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Phan Thị Thu S, sinh năm 1992

Địa chỉ: tổ 21, ấp Phú H, TT Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: anh Hồ Minh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: tổ 21, ấp Phú H, TT Chợ V, huyện Phú T, tỉnh An Giang

(Chị S yêu cầu vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Về hôn nhân: Năm 2011, sau thời gian tìm hiểu, chị và anh Hồ Minh T được gia đình đồng ý cho tổ chức lễ cưới. Từ khi thành vợ chồng đến thời điểm nộp đơn yêu cầu ly hôn, không đăng ký kết hôn. Đến ngày 05/4/2021, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi khi nhậu về thường kiếm chuyện đập phá nhà cửa. Đến ngày 05/5/2021, chị và anh T viết giấy tay thỏa thuận ly hôn và đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Hồ Minh T là vợ chồng.

Về con chung: có 01 đứa tên Phan Quốc H, sinh ngày 05/12/2012 đang sống chung với anh T từ khi ly thân đến nay, đồng ý cho anh T tiếp tục nuôi con, chị không cấp dưỡng. Tài sản chung đã thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Hồ Minh T vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh được Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xác định: Trích lục sổ bộ lưu kết hôn không tìm thấy tên chị Phan Thị Thu S kết hôn với anh Hồ Minh T.

Tòa án thu thập nguyện vọng của cháu Phan Quốc H, hiện đang sống chung với anh Hồ Minh T và bà nội là Nguyễn Thị Minh Tâm, cháu có nguyện vọng được sống với anh T.

Bà Nguyễn Thị Minh Tâm (mẹ ruột của Hồ Minh T) cho biết: vợ chồng T – S có 01 đứa con chung là Phan Quốc H, từ khi ly thân đến nay cháu H sống với bà và T, được nuôi dưỡng và đang học lớp 4, yêu cầu Tòa án giải quyết cho T được tiếp tục nuôi cháu H đến khôn lớn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân: Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố Tụng Dân Sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: chị Phan Thị Thu S với anh Hồ Minh T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011, không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung: từ khi chị S và anh T ly thân cho đến nay, cháu Phan Quốc H sinh ngày 05/12/2012 đang sống chung với anh T và có nguyện vọng sống chung với anh T. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, cần giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Chị Phan Thị Thu S phải chịu án phí hôn nhân gia

định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập đến lần thứ 2 để nghe xét xử nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy, chị S và anh T tự nguyện sống chung như vợ chồng và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị S và anh T không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 4 Điều 3 Thông Tư Liên Tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị S, anh T là vợ chồng.

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Quá trình chung sống, chị S và anh T có 01 con chung tên Phan Quốc H, sinh ngày 05/12/2012 đang sống chung với anh T từ khi ly thân đến nay. Chị S đồng ý cho anh T được tiếp tục nuôi con chung, không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Cháu H hiện đang sống với anh T, được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định và có nguyện vọng được sống với anh T. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn

định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu H cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phan Thị Thu S không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về chia tài sản: Chị S trình bày đã thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ghi nhận chị S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu S phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Hồ Minh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu S.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị Thu S và anh Hồ Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Hồ Minh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Quốc H, sinh ngày 05/12/2012 đến thành niên và tự lập được, chị Phan Thị Thu S không phải cấp dưỡng cho con.

Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với anh T, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu S phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0004282 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh Hồ Minh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND TT Chợ Vàm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Nhung